TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2024/DS-ST
Ngày: 19-8-2024
V/v "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Linh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh;

2. Ông Nguyễn Nhựt Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 88/2024/TLST-DS, ngày 26 tháng 4 năm 2024 về việc: "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 247/2024/QĐXXST-DS ngày 31/7/2024, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:*

Chị Nguyễn Thanh T, sinh năm 1988;

Anh Lâm Đức H, sinh năm 1987;

Cư trú: Tổ 8, ấp B, xã A, huyện C, tỉnh An Giang

Điện thoại liên lạc: 0944.765.359

Người đại diện theo ủy quyền cho chị Nguyễn Thanh T là anh Lâm Đức H, sinh năm 1987; Cư trú: Tổ 8, ấp B, xã A, huyện C, tỉnh An Giang, văn bản ủy quyền ngày 24/5/2024.

** Bị đơn:* Bà Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1966;

Cư trú: Tổ A, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

Điện thoại liên lạc: 0344.114.783

(Các đương sự đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai ngày 08/4/2024 và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lâm Đức H và chị Nguyễn Thanh T (do anh H làm đại điện hợp pháp) trình bày:

Do quen biết nên bà L có nhờ vợ chồng anh có hỏi vay số tiền nhiều lần, cụ thể:

+ Lần thứ nhất: Vay 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng), không viết biên nhận, không nhớ rõ thời gian vay, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng.

+ Lần hai: Vay 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), vay vào tháng 08/2019 (do anh đánh nhầm tại đơn khởi kiện ghi là ngày 01/01/2020), không làm biên nhận, lãi suất thỏa thuận 3%, khoản vay này bà L không đóng lãi và cũng không trả tiền vốn gốc.

+ Ngoài ra, bà L còn nợ tiền hụi là 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng).

Tổng cộng 03 khoản nợ là 119.000.000đ (Một trăm mười chín triệu đồng). Năm 2023 bà L trả nhiều lần tiền, tổng cộng là 23.000.000đồng. Trong đó 23.000.000đồng trừ tiền hụi 14.000.000 đồng, còn 9.000.000 đồng, trừ vào vốn vay. Số tiền còn nợ là 105.000.000đồng.

Vợ chồng anh có đến nhà bà L nhiều lần để đòi lại số tiền trên, bà L hứa hẹn nhiều lần nhưng không thực hiện. Hai bên có yêu cầu hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã A ngày 19/3/2024, khi đó bà L thừa nhận có vay, đồng ý cấn trừ và chốt lại số tiền bà L còn thiếu là 96.000.000 đồng, bà đã đóng lãi từ tháng 09/2019 đến tháng 12/2019 thì ngưng, nhưng anh chỉ nhận tiền có 03 tháng, lãi suất là 3%/tháng, mỗi tháng 4.500.000 đồng, tổng số tiền lãi đã nhận là 13.500.000 đồng. Do bà L không thừa nhận đến tháng 11/2019 mà thừa nhận ngưng đóng lãi vào tháng 01/2020 thì anh đồng ý. Bà L xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi dứt số nợ và không chịu đóng lãi thì anh không đồng ý.

Nay vợ chồng anh yêu cầu bà L phải trả một lần số tiền 96.000.000 đồng (Chín mươi sáu triệu đồng) và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 01/01/2020 cho đến ngày Tòa án xét xử.

Đối với nội dung vi bằng số 48/2024/VB-TPLTHQ ngày 04/6/2024 của Văn phòng Thừaphát lại Trần Hải Q lập thì anh hoàn toàn không đồng ý, vì không đúng sự thật, anh không có trao đổi qua điện thoại với bà L. Sự thật như anh đã trình bày ở trên và Ủy ban nhân dân xã A đã tiến hành hòa giải, bà L đã thừa nhận nợ 96.000.000 đồng và đã ký tên vào biên bản làm việc. Đối với phần lãi suất đã nhận là 13.500.000 đồng thì anh đồng ý điều chỉnh lại mức lãi suất theo quy định pháp luật.

* Theo bản khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Ngọc L trình bày:

Bà thống nhất có vay của anh H chị T nhiều lần tiền, do thời gian đã lâu nên không nhớ cụ thể từng lần vay, chỉ nhớ vay từ năm 2014 dài đến 2017, số tiền sau khi cấn trừ còn lại là 105.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, đóng vào ngày 15 hàng tháng. Đối với tiền hụi 14.000.000 đồng thì cũng thỏa thuận 5%/tháng. Hai bên có chốt lại số tiền, bà còn nợ là 96.000.000 đồng, nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ.

Bà đã đóng lãi từ năm 2014 đóng đến tháng 06/2021, nhưng không nhớ cụ thể số tiền lãi đã đóng là bao nhiêu, bà có ghi âm nội dung về việc đã trao đổi với vợ chồng anh H về việc đã đóng lãi, bà có liên hệ với Văn phòng T1 để lập Vi bằng về nội dung này để chứng minh quá trình vay bà có đóng lãi cho nguyên đơn. Yêu cầu Tòa án xem xét nội dung Vi bằng số 48/2024/VB-TPLTHQ ngày 04/6/2024 của Văn phòng T1 để cấn trừ số tiền lãi mà bà đã đóng.

Tại phiên hòa giải ngày 19/3/2024 tại Ủy ban nhân dân xã A bà xác định không có khả năng đóng tiền lãi từ năm 2020 là do lúc đó không bình tĩnh nên mới ký tên vào biên bản. Nay bà xác định lại là bà đóng lãi đến ngày 15/11/2021 thì ngưng không đóng nữa, nêu yêu cầu Tòa án xem xét tính lãi từ ngày 15/11/2021 cho đến ngày Tòa án xét xử. Ngoài chứng cứ nêu trên thì bà không còn chứng cứ nào khác chứng minh cho việc đóng lãi.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Yêu cầu bị đơn trả một lần số tiền 96.000.000 đồng và lãi suất theo quy định, tính từ ngày 01/01/2020 cho đến ngày xét xử. Không đồng ý cho trả dần.

- Bị đơn đồng ý còn nợ nguyên đơn số tiền 96.000.000 đồng, yêu cầu trả dần mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi hết nợ, yêu cầu không tính lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Ngọc L có nghĩa vụ trả lại số tiền còn nợ, bị đơn có nơi cư trú tại xã A, huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[2] Thủ tục ủy quyền: Nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T ủy quyền cho anh Lâm Đức H tham gia tố tụng, văn bản ủy quyền hợp lệ nên được chấp nhận.

[3] Về nội dung: Nguyên đơn anh H chị T có cho bà L vay nhiều lần tiền, hai bên đã chốt lại số nợ còn thiếu là 96.000.000đồng. Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán nợ, nhưng đến nay vẫn chưa hoàn trả số tiền nợ cho nguyên đơn nên phát sinh tranh chấp. Xét thỏa thuận của các bên, dù giao dịch vay mượn không làm biên nhận, nhưng vay tiền xuất phát từ sự tự nguyện và không trái quy định của pháp luật, việc vay mượn đều được các bên thừa nhận nên đã

phát sinh quyền và nghĩa vụ theo luật định. Theo thỏa thuận, bị đơn bà L phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 96.000.000 đồng và lãi suất theo quy định.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà L đều thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 96.000.000đồng. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc bà L không thanh toán số tiền 96.000.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ của bên vay mượn theo thỏa thuận. Do đó, cần buộc bà L có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ cho nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về lãi suất:

Tại phiên tòa, bị đơn cho rằng bà đã đóng lãi từ ngày vay đến ngày 15/11/2021 thì ngưng, yêu cầu xem xét tính lãi suất từ ngày 15/11/2021 cho đến ngày xét xử. Bà có cung cấp Vi bằng số 48/2024/VB-TPLTHQ của Văn phòng T1 lập ngày 04/6/2024 để chứng minh việc đóng lãi. Qua xem xét nội dung Vi bằng không thể hiện việc bà đã đóng lãi như thế nào và đóng cho ai, số tiền cụ thể bao nhiêu? Đồng thời, nội dung Vi bằng không được nguyên đơn thừa nhận. Ngoài chứng cứ này, bà L không còn chứng cứ nào chứng minh cho việc đóng lãi. Do đó, không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét. Phía bị đơn chỉ thừa nhận bà L ngưng đóng lãi từ ngày 01/01/2020. Vì vậy, yêu cầu của bị đơn không đủ căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn: Anh H xác định bị đơn đã đóng lãi trong 03 tháng từ 09/2019 đến tháng 12/2019 thì ngưng, nhưng anh chỉ nhận tiền có 03 tháng, lãi suất là 3%/tháng, mỗi tháng 4.500.000 đồng, tổng số tiền lãi đã nhận là 13.500.000 đồng. Như vậy, lãi suất các bên thoả thuận đã vượt quá lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468. Do đó, mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực nên cần phải được điều chỉnh. Cụ thể:

96.000.000đ x 20%/năm x 03 tháng = 4.734.000 đồng

Như vậy, số tiền lãi suất chênh lệch do bị đơn đã đóng là:

13.500.000đ – 4.734.000 đ = 8.766.000đồng.

Bị đơn chậm thanh toán số tiền đã vay thì có trách nhiệm trả lãi theo quy định pháp luật. Số tiền lãi cụ thể: từ ngày 01/01/2020 cho đến ngày xét xử 19/8/2024 là 04 năm 07 tháng 18 ngày. Nhưng nguyên đơn đồng ý làm tròn 04 năm 07 tháng, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận. Số tiền lãi cụ thể:

96.000.000đ x 20%/năm x 04 năm 07 tháng = 88.000.000 đồng.

96.000.000đ + (88.000.000đ – 8.766.000đ) = 175.234.000đồng

Như vậy, bị đơn bà Nguyễn Ngọc L có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền là: 175.234.000đồng (Một trăm bảy mươi lăm triệu, hai trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

Bị đơn yêu cầu nguyên đơn cho trả dần số tiền còn nợ nhưng phía nguyên đơn không đồng ý nên Hội đồng xét xử không thể chấp nhận theo yêu cầu của bị đơn, tuy nhiên các đương sự được thỏa thuận cách trả nợ khi có quyết định của cơ quan Thi hành án.

[5] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lâm Đức H và chị Nguyễn Thanh T.

Buộc bà Nguyễn Ngọc L phải có nghĩa vụ trả cho anh Lâm Đức H và chị Nguyễn Thanh T số tiền là 175.234.000đồng (Một trăm bảy mươi lăm triệu, hai trăm ba mươi bốn nghìn đồng). Trong đó tiền vốn gốc là 96.000.000đ (Chín mươi sáu triệu đồng), tiền lãi là 79.234.000đ (Bảy mươi chín triệu, hai trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

2. Về án phí sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thanh T và anh Lâm Đức H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.400.000đồng theo biên lai thu số 0004627 ngày 25/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Bà Nguyễn Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.761.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND.Châu Thành;
- Chi cục THADS.Châu Thành;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Hà Thị Mỹ Linh